TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Đ** TỈNH LÂM ĐỒNG Bản án số: 120/2022/HNGĐ-ST Ngày: 08-11-2022 V/v Xin ly hôn.	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà PHẠM YẾN NHƯ

Hội thẩm nhân dân:

. Ông LÊ VĂN HOÀNG

. Bà ĐINH THỊ PHÚC

-Thư ký phiên tòa: Bà VY TRẦN BẢO PHƯƠNG –Thư ký Tòa án huyện Đ

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân *huyện Đ tham gia phiên toà:* Bà NGUYỄN THỊ LỊCH – Kiểm sát viên.

Trong ngày 8 tháng 11 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 389/2022/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 8 năm 2022, về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2022, giữa đương sự:

- **Nguyên đơn**: Bà Đào Thị N - Sinh năm 1981; Địa chỉ: Xóm An T, xã X, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh.

- **Bị đơn**: Ông Đàm Tá T – Sinh năm 1980; Địa chỉ: Số nhà 07, Tổ 6, đường N, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm đồng.

Bà N vắng mặt tại phiên tòa có đơn xin xét xử vắng mặt; ông T vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo các bản khai và đơn khởi kiện, đơn xin xét xử vắng mặt nguyên đơn bà Đào Thị N trình bày***:

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi và anh T quen biết, tìm hiểu, sau đó đi đến kết hôn năm 2004, đăng ký kết hôn tại UBND xã X, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh. Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, có tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục tập quán. Sau khi cưới vợ chồng chung sống tại Số nhà 07, Tổ 6, đường N, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm đồng. Vợ chồng chung sống hạnh phúc thời gian đầu nhưng về sau hay mâu thuẫn ông T cờ bạc, trai gái, về nhà lại bạo lực, đánh đập vợ con nên tôi đã về quê Ngoại ở An T, xã X, huyện N sinh sống cho tới nay. Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể cải thiện, không thể tiếp tục chung sống nên tôi yêu cầu tòa án giải quyết cho tôi ly hôn anh T để ổn định cuộc sống.

- Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung tên Đàm Tá Đ-sinh ngày 10.4.2001, Đàm Tá M-sinh ngày 14.10.2005 hiện ở cùng ông T và Đàm Tá T-sinh ngày 28.3.2006 hiện đang ở với tôi. Nay ly hôn tôi đồng ý giao ông T tiếp tục nuôi cả 02 con Đ, M; tôi tiếp tục nuôi con T cho đến ngày các con chung thành niên.

- Về cấp dưỡng: Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

**** Bị đơn ông*** Đàm Tá T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến làm việc nhưng không đến làm việc, ông cũng không cung cấp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ liên quan đến vụ án.

Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ nhưng ông T vắng mặt không có lý do, vì vậy Tòa án đã tiến hành phiên họp vắng mặt và đã thông báo kết quả phiên họp cho ông T được biết. Do bà N có đơn yêu cầu không hòa giải nên Tòa án không tiến hành hòa giải.

Tại phiên tòa hôm nay, theo đơn xin xét xử vắng mặt nguyên đơn bà N vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn ông T; Về con chung bà N có yêu cầu giao ông T tiếp tục nuôi con Đàm Tá M; bà tiếp tục nuôi con Đàm Tá T cho đến ngày các con chung thành niên. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung: Tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết; Về nợ chung: Không có.

Ông T vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

* **Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ**:

Việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán chấp hành đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền theo quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; xác định đúng quan hệ tranh chấp, đúng người tham gia tố tụng, tống đạt các giấy tờ cho đương sự đúng theo quy định; vụ án được giải quyết đúng thời hạn quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tại Điều 68, 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

+ Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị xử chấp nhận cho bà Đào Thị N được ly hôn ông Đàm Tá T .

+ Về con chung: Đề nghị giao bà Đào Thị N tiếp tục nuôi con chung tên Đàm Tá T-sinh ngày 28.3.2006 cho đến ngày con thành niên.

Giao ông T tiếp tục nuôi con chung tên Đàm Tá M-sinh ngày 14.10.2005 .

Về cấp dưỡng nuôi con: Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con;

+ Về tài sản chung: Tự thoả thuận.

+ Về nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án hôn nhân và gia đình về việc *"Tranh chấp ly hôn"* giữa nguyên đơn bà Đào Thị N với bị đơn ông Đàm Tá T. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Bà N có đơn xin xét xử vắng mặt, ông T đã được triệu tập hợp lệ nên căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Đào Thị N và ông Đàm Tá T kết hôn có đăng ký kết hôn theo luật định. Hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới, có thời gian tìm hiểu. Vợ chồng chung sống hạnh phúc thời gian đầu nhưng về sau hay mâu thuẫn ông T cờ bạc, trai gái, về nhà lại bạo lực, đánh đập vợ con nên tôi đã về quê Ngoại ở An T, xã X, huyện N sinh sống cho tới nay. Cuộc sống chung đã thật sự chấm dứt. Qua xác minh được biết ông T vẫn sinh sống tại địa phương Số nhà 07, Tổ 6, đường N, thị trấn L, huyện Đ nhưng ông T không hợp tác, không nhờ Tòa án hòa giải, để mặc bà N tự giải quyết mọi vấn đề, không có thiện chí hàn gắn tình cảm gia đình… Bà N giữ nguyên yêu cầu ly hôn ông T.

Xét thấy hôn nhân giữa bà Đào Thị N và ông Đàm Tá T tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên xử chấp nhận cho bà Đào Thị N được ly hôn ông Đàm Tá T là phù hợp và đúng pháp luật theo Điều 51, 56 Luật HNGĐ.

- Về con chung: Bà Đào Thị N với ông Đàm Tá T có có 03 con chung tên Đàm Tá Đ-sinh ngày 10.4.2001, Đàm Tá M-sinh ngày 14.10.2005 hiện ở cùng ông T và Đàm Tá T-sinh ngày 28.3.2006 hiện đang ở với bà N. Nay ly hôn bà N yêu cầu giao ông T tiếp tục nuôi cả 02 con Đ, M; bà tiếp tục nuôi con Đàm Tá T cho đến ngày các con chung thành niên. Xét thấy yêu cầu này phù hợp với thực tế nên được chấp nhận. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con;

- Về tài sản chung: Tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết;

- Về nợ chung: Không có.

- Về án phí: Bà Đào Thị N phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về áp dụng pháp luật: Căn cứ vào:

- Điều 33, 51, 56, 59, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

- Điều 27, 35, 203, 220 và điều 228 Bộ Luật tố tụng Dân sự 2015;

- Điều 26 Luật thi hành án Dân sự;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

2. Về nội dung: Xử

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà Đào Thị N được ly hôn ông Đàm Tá T.

2. Về con chung: Xử

Giao bà Đào Thị N tiếp tục nuôi con chung tên Đàm Tá T-sinh ngày 28.3.2006 cho đến ngày con thành niên.

Giao ông T tiếp tục nuôi con chung tên Đàm Tá M-sinh ngày 14.10.2005 .

Về cấp dưỡng nuôi con: Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con;

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định Luật hôn nhân và gia đình.

3. Về án phí: Bà Đào Thị N chịu toàn bộ án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng (Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo phiếu thu số 0008086 ngày 11.8.2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Đ).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án,quyền yêu cầu thi hành án,tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật THA dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết bà N và ông T có quyền làm đơn kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAT LĐ
-VKSND H.ĐT
-UBND TT L.
-Các đương sự
-Lưu HS, lưu AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Phạm Yến Như

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**